

Bản án số: 228 /2020/DSST
Ngày 17 - 12 - 2020
V/v “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung

Các hội thẩm Nhân Dân:

Bà: Nguyễn Huỳnh Hương

Ông : Bùi Xuân Minh

Thư ký ghi biên bản phiên Tòa : Bà Dương Thị Thêu - Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời có bà: Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 477/2020 ngày 28/08/2020 về tranh chấp “hợp đồng mua bán” ,theo Quyết định đưa ra xét xử số 267/2020 ngày 16.11.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 655/2020 ngày 02.12.2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn X (Út) – sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn : Phạm Biên G –

Địa chỉ: khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa:

Vào ngày 15.10.2016 tôi có bán một số trang thiết bị và dụng cụ hoạt động tàu cá cho ông Phạm Biên G, tổng số tiền là 82.455.000 đồng, ông G có trả cho tôi được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại là 62.455.000 đồng đến nay ông G chưa trả. Nay tôi yêu cầu ông G phải trả cho tôi số tiền là 62.455.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 02.02.2018 đến ngày 19.8.2020 theo lãi Ngân hàng quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu ông X trả khoản tiền 62.455.000 đồng, không yêu cầu phần lãi.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông G 2 lần để hòa giải và 2 lần để xét xử nhưng ông G vẫn vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông G.

Tại biên bản làm việc với bà Đào Mỹ L (là mẹ vợ của anh G) bà xác định các giấy thông báo thụ lý, giấy triệu tập đối với ông G bà đã nhận thay, bà đưa cho con của Giới để thông báo cho G biết và con của G có gọi điện cho T là vợ của G biết, hiện nay vợ chồng của G còn sống chung với nhau.

Tại biên bản làm việc với ông Cao Thanh T – Phó trưởng khóm 1, thị trấn Sông Đốc xác định: Vào khoản tháng 7/2020 tôi có mời T và G đến để giải quyết việc ông X yêu cầu số tiền hơn 62.000.000 đ (có lẽ nhưng không nhớ) lúc này không có ông G nhưng có bà T, bà T có hứa với ông X là mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, sau đó không thực hiện nên đến ngày 8/8/2020 ông X có yêu cầu đến khóm 1 để giải quyết, khóm có tổ chức mời nhiều lần nhưng ông G và bà T không có mặt, nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo trình tự quy định của pháp luật Tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, vì tại lời khai của ông T – Phó trưởng khóm 1 thị trấn Sông Đốc xác định bà T là vợ ông G có hứa trả cho ông X mỗi tháng là 5.000.000 đồng, hơn nữa những lần giao giấy như: Thông báo thụ lý, Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho bà L (mẹ vợ ông G) nhận giấy và đã giao cho con của ông G và bà T và con của bà T và ông G đã thông báo cho vợ chồng ông G biết việc ông X khởi kiện ông G, nhưng ông G không có ý kiến gì nên mặc nhiên ông G đã thừa nhận số nợ trên. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 62.455.000 đồng là có căn cứ.

Từ những nội dung trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thẩm quyền: bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Trần Văn Thời, ông X khởi kiện anh G về việc tranh chấp “hợp đồng mua bán”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là phù hợp với điều 26 và 35, Điều 39 BLTTDS.

[2]. Xét về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị, bị đơn xâm hại nên khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn là phù hợp với Điều 186 BLTTDS.

[3]. Xét về thủ tục tiến hành tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần để hòa giải và 2 lần để xét xử nhưng anh G vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Xét về điều luật áp dụng: việc tranh chấp này sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên áp dụng luật hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông X cho rằng ông G còn nợ tiền mua bán trang thiết bị ghe biển, nên khởi kiện yêu cầu ông G phải trả số tiền trên, nên xác định quan hệ tranh chấp là “hợp đồng mua bán” theo quy định tại Điều 430 BLDS.

[6] Xét về nội dung vụ kiện: Vào ngày 15.10.2016 ông X có bán một số trang thiết bị và dụng cụ hoạt động tàu cá cho ông Phạm Biên G, tổng số tiền là 82.455.000 đồng, ông G có trả cho ông X được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại là 62.455.000 đồng đến nay ông G chưa trả. Nay ông X yêu cầu ông G phải trả cho tôi số tiền là 62.455.000 đồng.

Đối với ông G Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải và để xét xử nhưng ông G vắng mặt không ghi nhận được ý kiến của ông G. Tuy nhiên tại biên bản làm việc với ông Tâm phó trưởng khóm 1 thị trấn Sông Đốc xác định là ông X có đến khóm 1 để yêu cầu ông G trả số tiền trên, nhưng ông G không đến mà bà Thúy là vợ ông G có đến và hứa trả ông X mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Hơn nữa, tại biên bản làm việc với bà L (mẹ vợ ông G) là người nhận thay giấy triệu tập cũng như các văn bản của Tòa án, bà L đã giao cho con ông G và con ông G cũng đã cho vợ chồng ông G biết việc ông X yêu cầu trả số tiền trên nhưng ông G không có ý kiến gì về số tiền ông X khởi kiện, nên mặc nhiên ông G đã thừa nhận số tiền nợ ông X là 62.455.000 đồng và cần buộc ông G có trách nhiệm trả cho ông X số tiền trên là có căn cứ và phù hợp với Điều 357, Điều 430, Điều 440 BLDS.

Đối với số tiền lãi tại phiên Tòa ông X đã thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông G trả phần lãi. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của ông X là tự nguyện và không vượt quá nội dung khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do ông X yêu cầu được chấp nhận toàn bộ nên phần nên ông X không phải chịu án phí, ông X đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ, đối với ông G phải chịu án phí có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền phải trả cho ông X là phù hợp theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Điều 12, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 186, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự .

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn Phạm Biên G, phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn X số tiền là 62.455.000 đồng (sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn).

Kể từ ngày ông X có đơn yêu cầu thi hành án mà ông G chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng ông G còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Án phí sơ thẩm dân sự ông G phải chịu là 3.122.750 đồng, ông X đã dự nộp án phí trước là 1.561.000 đ theo biên lai số 0004224 ngày 28.8.2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại toàn bộ .

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thanh Nhung